TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyển và ông Nguyễn Xuân Chí

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Nhật Trường - Thư ký TAND huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31/5/2023, tại trụ sở TAND huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Minh K, sinh năm 1986, có mặt
Địa chỉ: Thôn P, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1996, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã Hòa B, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Bùi Minh K trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau. Hai bên không còn sống chung từ tháng 5/2022, đến nay không còn tình cảm nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung Bùi Duy K1, sinh ngày 01/4/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 13/12/2018. Hiện nay hai con do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn nguyên đơn xin tiếp tục nuôi hai con, nguyên đơn làm thợ và có buôn bán nhỏ, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi hai con nên không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Bùi Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Bùi Minh K và bị đơn Bùi Thị Huyền T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T ngày 06/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm hay cãi nhau, bị đơn không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc con cái; sự việc nêu trên có xác nhận của trưởng thôn P và UBND xã H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Bùi Duy K1, sinh ngày 01/4/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 13/12/2018. Xét, hai cháu K1, K2 lâu nay do anh K trực tiếp nuôi dưỡng đã quen sống cùng anh K nên tiếp tục giao hai cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Minh K.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Bùi Minh K được ly hôn với bị đơn Bùi Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Bùi Duy K1, sinh ngày 01/4/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 13/12/2018 cho nguyên đơn Bùi Minh K trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Bùi Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Bùi Minh K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí HNGĐ sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn*

đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006025 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Bình 1 (GCNKH số 16, quyển 01/2015, ngày 06/3/2015);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền